

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04 – 4 – 2022

V/v Ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Vinh Thắng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Tăng Thị Bạch Vân;

Ông Nguyễn Văn Sơn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Cúc-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Xuân Mai-Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2022/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2022, về việc Ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Phùng Thị Cẩm L, sinh ngày 01/01/1976

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Số 252/4, ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Vào năm 1995, bà Phùng Thị Cẩm L và ông Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn với nhau, được 02 gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng số 47, ngày 24/6/2010.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 20 năm, sinh được 02 con chung tên Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 08/02/1996, đã trưởng thành, phát triển bình thường, tự lao động để sống và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 16/5/2010. Đến đầu năm 2016, do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, kinh tế gia đình không ổn định, ông N ít quan tâm đến vợ con, không lo kinh tế gia đình, gây nợ nần, do đó vợ chồng thường hay cãi vã với nhau, vì vậy, mâu thuẫn

bắt đầu phát sinh và ngày trầm trọng hơn. Từ đó, bà L nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông N được nữa.

*\*Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết những việc như sau:*

- Về hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 08/02/1996, đã trưởng thành, phát triển bình thường, tự lao động để sống, nên bà không yêu cầu giải quyết, còn cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 16/5/2010, theo ai thì người đó nuôi cho đến tuổi trưởng thành. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng đã tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\*Bị đơn ông Nguyễn Văn N không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phùng Thị Cẩm L.*

\*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 16/5/2010, cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn N, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không rõ lý do, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Thị Cẩm L và ông Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 24/6/2010, nên quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp.

[3] Xét về tình trạng hôn nhân, thấy rằng: Quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên. Trong thời kỳ hôn nhân, bà L và ông N có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, ông N không lo kinh tế gia đình, ít quan tâm vợ con. Vợ chồng không còn thương

yêu, chăm sóc lẫn nhau, do không còn tình cảm, không hạnh phúc, nên đã sống ly thân từ năm 2016, đến thời điểm này, cả bà L và ông N cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà vẫn tiếp tục sống ly thân và bỏ mặc nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà L và ông N có hai người con chung là Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 08/02/1996, đã trưởng thành, phát triển bình thường, tự lao động để sống, nên bà L không yêu cầu giải quyết, còn cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 16/5/2010, hiện đang sống với bà L.

[5] Theo quy định tại khoản 1 Điều 71, các khoản 1, 2 Điều 81, các điều 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì cha và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Nếu không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con thì căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi dưỡng cũng có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

[6] Xét thấy, cháu T có nguyện vọng sống với mẹ, người con chung này từ nhỏ đã được người mẹ chăm sóc nuôi dưỡng tốt, cho nên phải giao cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, tránh thay đổi môi trường sống ổn định của trẻ nhỏ. Nếu sau này người mẹ nuôi dưỡng không tốt thì người cha có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, giao cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 16/5/2010, cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này cho ông N, không ai được ngăn cản.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà L đối với ông N.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bà L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên, về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là có căn cứ, theo như nhận định và phân tích nêu trên.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:** Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

**Tuyên xử:**

1) Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Thị Cẩm L được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

2) Về con chung: Giao cho bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 16/5/2010, đến đủ 18 tuổi (theo như nguyện vọng của cháu); Ông N được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này, không ai được ngăn cản. Còn cháu Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 08/02/1996, đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần, nên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3) Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà L đối với ông N.

4) Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5) Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001574, ngày 11/01/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà L đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6) Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

7) Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Ủy ban nhân dân xã K;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

